

Phụ lục 6

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Danh mục dự án chuyển tiếp sang năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến KH năm 2026 nguồn NSTW	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								NSTW		NSTW		NSTW		
1	2	3	4	5	8	7	9=10+11	10			11	12	13	14
	TỔNG CỘNG						2,224,053	1,932,539	1,001,389	815,889	841,555	701,055	696,247	
I	Lĩnh vực giao thông						1,140,546	1,080,939	270,269	270,269	264,000	264,000	334,500	
1	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 24B đoạn Km23 - Km29	BQL DA ĐTXD các CT Giao thông	B	Trương quang trọng, Sơn Tịnh	2025-2027		598,939	598,939			150,000	150,000	150,000	KHV năm 2025 dự kiến 150 tỷ đồng
2	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Đăk Hà)	UBND xã Đăk Pxi	B	Xã Đăk Pxi	2024-	583-04/10/2024	171,725	149,000	117,273	117,273	55,000	55,000	94,000	
3	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông)	UBND xã Tu Mơ Rông	B	Xã Tu Mơ Rông	2024-	582-04/10/2024	220,000	198,000	100,000	100,000	36,000	36,000	40,500	
4	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	B	Xã Ia Toi	2024-	NQ 36-29/4/2021	149,882	135,000	52,996	52,996	23,000	23,000	50,000	
II	Lĩnh vực giáo dục						205,000	76,000	168,818	38,818	168,818	38,818	37,182	
5	Bổ sung thiết bị cho các trường theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	B	Các xã	2024-	QĐ371-14/5/2021; QĐ444-23/7/2024 QĐ 252-2025	205,000	76,000	168,818	38,818	168,818	38,818	37,182	
III	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch						60,000	60,000	60,000	60,000	10,000	10,000	50,000	
6	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh, tỉnh Kon Tum	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	B	Xã Đăk Tô, tỉnh Quảng Ngãi	2023-2025	804/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	60,000	60,000	60,000	60,000	10,000	10,000	50,000	
IV	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						633,507	549,100	502,302	446,802	298,737	288,237	208,065	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến KH năm 2026 nguồn NSTW	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								NSTW		NSTW		NSTW		
7	Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum	BQL NN&PTNT	B	Xã Đăk Cấm, xã Ngọc Bay và xã Ngọc Réo	2023-	200-21/4/2023	295,007	269,100	269,600	269,100	151,521	151,021	118,079	
8	Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	B	Phía Tây Quảng Ngãi	2024-	508-28/8/2024	155,000	100,000	155,000	100,000	70,014	60,014	39,986	
9	Kè chống sạt lở sông Đăk Tô Kan (đoạn cầu 42), huyện Đăk Tô	UBND xã Đăk Tô	B	Xã Đăk Tô	2023-	262-25/5/2023	183,500	180,000	77,702	77,702	77,202	77,202	50,000	
V	Cấp nước, thoát nước						185,000	166,500			100,000	100,000	66,500	
10	Hệ thống thoát nước, vỉa hè các tuyến đường nội thành, thành phố Kon Tum	UBND phường Kon Tum	B	Phường Kon Tum	2023-	705-16/11/2022	185,000	166,500	100,000	100,000	100,000	100,000	66,500	